



**Công ty TNHH Một thành viên –  
Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2017



**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con  
Thông tin về Công ty**

**Quyết định thành lập số** 3025/QĐ-BCT ngày 1 tháng 6 năm 2012

Quyết định thành lập do Bộ Công Thương cấp.

**Giấy chứng nhận  
Đăng ký doanh nghiệp số** 3502208399 ngày 26 tháng 11 năm 2012

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp và Đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 27 tháng 2 năm 2017.

**Chủ tịch** Ông Nguyễn Văn Lê

<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Đinh Quốc Lâm	Tổng Giám đốc
	Ông Trương Quốc Phúc	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phan Thanh Xuân	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Văn Danh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Cao Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương	Phó Tổng Giám đốc

**Trụ sở đăng ký** Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ,  
Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán** Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam


**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 47 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm này.

  
\_\_\_\_\_  
Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,  
CÔNG TY  
T.N.H.H  
MỘT THÀNH VIÊN  
TỔNG CÔNG TY  
PHÁT ĐIỆN 3  
T. BÀ RỊA - VŨNG TÀU  
T. BÀ RỊA - VŨNG TÀU  
MS.DAN.3502208399C  
Trương Quốc Phúc  
Phó Tổng Giám đốc

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 28 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi Chủ tịch và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công  
ty con**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 (“Tổng Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 6 đến trang 47.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Vấn đề nhấn mạnh**

Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ nhưng lưu ý tới Thuyết minh 3(b)(ii) và 3(b)(iii) trong báo cáo tài chính hợp nhất. Tổng Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo hướng dẫn tại Nghị định số 10/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 9 tháng 2 năm 2017 (“Nghị định 10”) và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ theo hướng dẫn tại Công văn số 5344/BTC-TCDN của Bộ Tài Chính ngày 25 tháng 4 năm 2017 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ năm 2016 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“Công văn 5344”), được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo Công văn số 122/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ ngày 6 tháng 3 năm 2017 (“Công văn 122”).

Theo hướng dẫn của Nghị định 10, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại. Theo hướng dẫn của Công văn 5344 và Công văn 122, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán năm của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được ghi nhận vào chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc “Vốn chủ sở hữu”, thay vì vào “Chi phí tài chính”, và được phân bổ vào chi phí năm 2016 ít nhất bằng số chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017 và đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh không lỗ, số còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ trong thời gian không quá 5 năm. Hướng dẫn của các công văn này có sự khác biệt so với Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán này đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được trình bày tại Thuyết minh 3(b)(ii) và 3(b)(iii) của báo cáo tài chính hợp nhất.



**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>18.796.560.872.860</b>	<b>18.785.582.668.582</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>4.889.503.224.142</b>	<b>2.058.553.861.920</b>
Tiền	111		2.996.003.224.142	1.345.553.861.920
Các khoản tương đương tiền	112		1.893.500.000.000	713.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1.771.000.000.000</b>	<b>1.050.500.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	1.771.000.000.000	1.050.500.000.000
<b>Phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>8.947.167.559.377</b>	<b>12.462.718.469.153</b>
Phải thu của khách hàng	131	6	8.494.115.262.620	7.182.532.965.775
Trả trước cho người bán	132		171.652.902.312	301.221.287.797
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	282.627.553.598	4.979.701.732.180
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(1.228.159.153)	(737.516.599)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>3.080.370.970.600</b>	<b>3.040.394.560.198</b>
Hàng tồn kho	141		3.081.307.660.656	3.040.800.862.431
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(936.690.056)	(406.302.233)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>108.519.118.741</b>	<b>173.415.777.311</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.626.027.908	8.803.198.570
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		92.345.538.765	39.746.883.281
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	13(b)	13.547.552.068	124.865.695.460

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>62.588.641.268.619</b>	<b>66.804.780.077.695</b>
<b>Phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>769.382.459</b>	<b>22.000.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216		769.382.459	22.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>56.869.179.072.117</b>	<b>61.569.028.164.052</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	9	56.804.027.238.108	61.501.566.138.204
Nguyên giá	222		109.272.068.630.148	108.969.000.900.034
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(52.468.041.392.040)	(47.467.434.761.830)
Tài sản cố định vô hình	227	10	65.151.834.009	67.462.025.848
Nguyên giá	228		83.265.837.897	83.265.837.897
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(18.114.003.888)	(15.803.812.049)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.788.284.168.769</b>	<b>3.414.930.012.417</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	3.788.284.168.769	3.414.930.012.417
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5(b)</b>	<b>1.830.593.857.582</b>	<b>1.763.692.020.793</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		1.341.623.914.594	1.287.523.689.312
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		518.884.589.388	518.884.589.388
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(29.914.646.400)	(42.716.257.907)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>99.814.787.692</b>	<b>57.107.880.433</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		35.959.944.300	43.556.825.676
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		13.879.964.174	12.722.874.757
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		49.974.879.218	828.180.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>81.385.202.141.479</b>	<b>85.590.362.746.277</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*



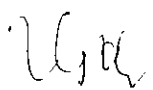
**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>71.594.803.624.885</b>	<b>76.861.833.300.304</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>12.903.427.315.812</b>	<b>10.610.993.943.559</b>
Phải trả người bán	311	12	6.131.548.072.263	5.587.479.453.509
Người mua trả tiền trước	312		34.400.000	-
Thuế và các khoản phải nộp				
Nhà nước	313	13(a)	221.091.187.157	144.692.033.324
Phải trả người lao động	314		279.657.435.291	221.289.953.254
Chi phí phải trả	315		101.897.917.392	50.823.347.579
Doanh thu chưa thực hiện	318		15.890.415.131	15.158.214.637
Phải trả khác	319	14	988.305.741.258	940.978.254.673
Vay ngắn hạn	320	15(a)	4.804.801.993.294	3.337.579.626.421
Dự phòng ngắn hạn	321		70.242.320.871	63.614.373.786
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		289.957.833.155	249.378.686.376
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>58.691.376.309.073</b>	<b>66.250.839.356.745</b>
Doanh thu chưa thực hiện	336		394.113.580.552	409.271.795.189
Vay dài hạn	338	15(b)	58.297.262.728.521	65.841.567.561.556
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>9.790.398.516.594</b>	<b>8.728.529.445.973</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>9.790.398.516.594</b>	<b>8.728.529.445.973</b>
Vốn góp	411	17	10.561.944.694.725	10.561.944.694.725
Thặng dư vốn cổ phần	412		6.014.917.945	6.014.917.945
Vốn khác của chủ sở hữu	414		16.273.236.198	16.273.236.198
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	19	(2.449.196.948.778)	(3.374.214.327.146)
Quỹ đầu tư phát triển	418		291.205.621.444	218.278.897.602
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		15.939.926.044	15.939.926.044
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		881.358.003.376	825.628.673.005
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế</i>				
<i>đến cuối năm trước</i>	421a		787.301.620.548	718.432.626.000
- <i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	421b		94.056.382.828	107.196.047.005
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		114.101.515.647	114.101.515.647
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		352.757.549.993	344.561.911.953
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> <b>(440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>81.385.202.141.479</b>	<b>85.590.362.746.277</b>

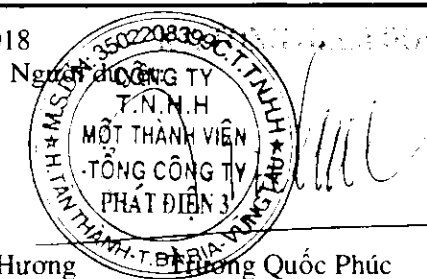
Ngày 28 tháng 3 năm 2018

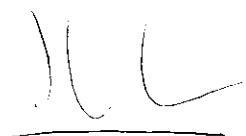
Người lập:



Vũ Phương Thảo  
 Người lập biểu

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



  
 Nguyễn Thị Thanh Hương  
 Kế toán trưởng

  
 Trương Quốc Phúc  
 Phó Tổng Giám đốc

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**Mẫu B 02 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã</b>	<b>Thuyết</b>	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>số</b>	<b>minh</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>21</b>	<b>37.907.111.180.748</b>	<b>35.942.430.035.844</b>
<b>Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp</b>	<b>11</b>	<b>22</b>	<b>33.601.837.052.658</b>	<b>32.401.926.808.804</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>4.305.274.128.090</b>	<b>3.540.503.227.040</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	206.588.923.828	216.940.564.718
Chi phí tài chính	22	24	3.834.288.001.980	3.283.359.758.397
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.639.770.574.279	2.526.916.084.835
Phần lợi nhuận trong công ty liên kết	24	5(b)	175.913.775.282	134.210.055.520
Chi phí bán hàng	25		95.852.322	233.876.024
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	437.013.416.528	390.872.879.706
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>416.379.556.370</b>	<b>217.187.333.151</b>
Thu nhập khác	31		87.553.020.039	116.601.237.443
Chi phí khác	32		35.061.985.866	28.981.123.866
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>52.491.034.173</b>	<b>87.620.113.577</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>468.870.590.543</b>	<b>304.807.446.728</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>27</b>	<b>153.329.336.737</b>	<b>42.069.052.111</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>27</b>	<b>(1.157.089.417)</b>	<b>(2.735.140.757)</b>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)</b>	<b>60</b>		<b>316.698.343.223</b>	<b>265.473.535.374</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

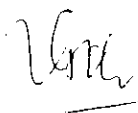
**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 02 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã Thuyết số minh</b>	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN</b> (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	<b>60</b>	<b>316.698.343.223</b>	<b>265.473.535.374</b>
<b>Phân bổ:</b>			
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	280.726.839.785	231.187.193.355
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	35.971.503.438	34.286.342.019

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Vũ Phương Thảo  
 Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Hương  
 Kế toán trưởng

Trương Quốc Phúc  
 Phó Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã</b>	<b>Thuyết</b>	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>số</b>	<b>minh</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>468.870.590.543</b>	<b>304.807.446.728</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		5.030.141.824.339	5.854.621.849.041
Các khoản dự phòng	03		(5.152.634.045)	(8.418.064.780)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.175.579.797.120	664.947.095.393
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(177.139.787.366)	(128.263.390.521)
Lãi được chia từ công ty liên kết	05		(175.913.775.282)	(134.210.055.520)
Chi phí lãi vay	06		2.639.770.574.279	2.526.916.084.835
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>8.956.156.589.588</b>	<b>9.080.400.965.176</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(35.664.843.404)	(3.255.697.104.384)
Biến động hàng tồn kho	10		(89.653.497.443)	(494.051.537.811)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		549.465.516.145	1.092.164.210.774
Biến động chi phí trả trước	12		13.774.052.038	(11.441.690.711)
			<b>9.394.077.816.924</b>	<b>6.411.374.843.044</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.589.663.456.503)	(2.271.962.110.066)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(32.191.653.983)	(64.648.298.828)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(52.440.798.852)	(55.939.050.251)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>6.719.781.907.586</b>	<b>4.018.825.383.899</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(1.448.562.313.542)	(3.115.785.661.299)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		229.694.400	231.546.000
Tiền chi đầu tư tiền gửi có thời hạn	23		(1.651.000.000.000)	(500.500.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	24		930.500.000.000	304.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		241.432.074.441	225.194.077.312
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.927.400.544.701)</b>	<b>(3.086.860.037.987)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

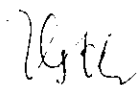
**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

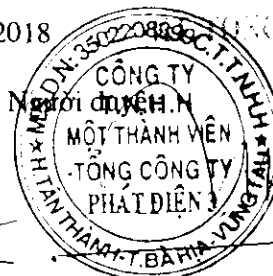
	<b>Mã</b>	<b>Thuyết</b>	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>số</b>	<b>minh</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		1.491.344.526.277	3.106.838.875.511
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.431.990.191.780)	(3.116.820.889.625)
Tiền trả cổ tức	36		(20.786.335.160)	(20.764.884.140)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(1.961.432.000.663)</b>	<b>(30.746.898.254)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>2.830.949.362.222</b>	<b>901.218.447.658</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>2.058.553.861.920</b>	<b>1.157.335.414.262</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>4.889.503.224.142</b>	<b>2.058.553.861.920</b>

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Vũ Phương Thảo  
 Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Hương  
 Kế toán trưởng

Trương Quốc Phúc  
 Phó Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 (“Tổng Công ty”) được thành lập theo quyết định số 3025/QĐ-BCT ngày 01 tháng 06 năm 2012 của Bộ Công thương, hoạt động theo hình thức Tổng Công ty – Công ty con, trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”), trên cơ sở tổ chức, sắp xếp lại Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Phú Mỹ, một số Công ty phát điện, một số Ban quản lý (“BQL”) dự án nguồn điện và tiếp nhận quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại một số Công ty phát điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3502208399 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 26 tháng 11 năm 2012.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2017 gồm Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”).

**(b) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất, kinh doanh điện năng; quản lý vận hành sửa chữa bảo dưỡng, đại tu, cải tạo, nâng cấp thiết bị điện, công trình điện; ngoài ra, Tổng Công ty còn hoạt động trong một số lĩnh vực khoa học, công nghệ, nghiên cứu triển khai, đào tạo phục vụ cho hoạt động chính.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là trong vòng 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Nhóm Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty có 3 công ty con (1/1/2017: 3 công ty con).

Cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty bao gồm:

- Các Công ty phát điện hạch toán phụ thuộc: Công ty Thủy điện Buôn Kuốp, Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân, Công ty Nhiệt điện Mông Dương, Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ, Công ty Dịch vụ sửa chữa các Nhà máy điện EVNGENCO3;
- Các Ban Quản lý dự án nguồn điện: Ban Quản lý dự án Nhiệt điện 1, Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân; Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Thái Bình; và
- Văn phòng Tổng Công ty.

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các công ty con như sau:

Công ty con	Hoạt động chính	% sở hữu và quyền biểu quyết	
		31/12/2017	1/1/2017
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình	Sản xuất điện, sản xuất sản phẩm hóa chất, sửa chữa và lắp đặt thiết bị điện và các dịch vụ khác có liên quan.	54,76%	54,76%
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	Sản xuất kinh doanh điện năng, quản lý vận hành bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh, cải tạo thiết bị điện, các công trình kiến trúc nhà máy điện và các sản phẩm dịch vụ có liên quan khác.	79,56%	79,56%
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức	Sản xuất điện, sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí, sửa chữa và kinh doanh thiết bị điện và các dịch vụ có liên quan khác	100,00%	100,00%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Nhóm Công ty có 3.491 nhân viên (1/1/2017: 3.386 nhân viên).

## 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính.

### (b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

### (c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### (d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### **(a) Cơ sở hợp nhất**

##### **(i) Công ty con**

Công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

##### **(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

##### **(iii) Mất quyền kiểm soát**

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tổng Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tổng Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

##### **(iv) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty liên kết này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.



**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(v) Các giao dịch loại trừ khi hợp nhất**

Số dư của giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong Nhóm Công ty được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

**(vi) Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tổng Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

**(b) Ngoại tệ**

**(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND lần lượt được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Các khoản công nợ với Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại ngày kết thúc niên độ kế toán được Tổng Công ty chuyển đổi theo tỷ giá bán ra (bằng chuyển khoản) của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo theo hướng dẫn của Công văn số 1779/BTC-CKKT ngày 1 tháng 2 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sử dụng tỷ giá để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ (“Công văn 1779”) và Công văn số 4246/EVN-TCK ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc hướng dẫn lập báo cáo tài chính năm 2017 (“Công văn 4246”).

Ngoại trừ chính sách kế toán áp dụng được trình bày dưới đây, các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(ii) Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia**

Theo hướng dẫn tại Nghị định số 10/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 9 tháng 2 năm 2017 (“Nghị định 10”), các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại. Hướng dẫn của Nghị định 10 có sự khác biệt so với hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) mà theo đó các khoản chênh lệch tỷ giá này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh.

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Nếu Tổng Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản nhất quán theo Thông tư 200 qua các năm thì phần chi phí tài chính và lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ lần lượt giảm và tăng cùng một khoản là 410.339.937.447 VND (cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016: lần lượt giảm và tăng là 428.777.794.857 VND), chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu”, và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (giả định bỏ qua tác động của thuế, nếu có) sẽ lần lượt tăng và giảm 1.098.488.973.504 VND (1/1/2017: lần lượt tăng và giảm 1.508.828.910.951 VND).

**(iii) Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ**

Tổng Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ theo hướng dẫn của Công văn số 5344/BTC-TCĐN của Bộ Tài chính ngày 25 tháng 4 năm 2017 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của Tập đoàn điện lực Việt Nam (“Công văn 5344”), được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo Công văn số 122/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ ngày 6 tháng 3 năm 2017 (“Công văn 122”). Theo hướng dẫn của Công văn 5344 và Công văn 122, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán năm của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được ghi nhận vào chi tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc “Vốn chủ sở hữu”, thay vì vào “Chi phí tài chính”, và sẽ được phân bổ vào chi phí năm 2016 ít nhất bằng số chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017 và đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh không lỗ, số còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ trong thời gian không quá 5 năm.

Nếu Tổng Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư 200 qua các năm thì chi phí tài chính và lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ giảm và tăng tương ứng là 514.677.440.921 VND (cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016: lần lượt tăng và giảm là: 486.514.926.344 VND), chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (giả định bỏ qua tác động của thuế, nếu có) sẽ lần lượt tăng và giảm 1.350.707.975.274 VND, (1/1/2017: lần lượt tăng và giảm 1.865.385.416.195 VND).

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Nhóm Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Các khoản phải thu**

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính. Giá trị tạm tính được xác định theo các cách sau: theo giá trị thực hiện đầu tư nếu tập hợp đủ chi phí vào giá thành công trình, theo dự toán được duyệt hoặc theo giá trị của những tài sản tương đương. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 40 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 20 năm
▪ thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10 năm
▪ tài sản cố định khác	5 – 10 năm

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thanh toán tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

**(iii) Bản quyền chuyển giao công nghệ**

Bản quyền chuyển giao công nghệ được ghi nhận theo giá gốc và được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng chưa được hoàn thành và máy móc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

***Công cụ và dụng cụ***

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản do Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

**(k) Phải trả người bán và phải trả khác**

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(l) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(m) Vốn góp**

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(n) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư và phát triển của Tổng Công ty được trích lập và sử dụng theo Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn tài sản tại doanh nghiệp.

**(o) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(p) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán điện**

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(iii) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(iv) Doanh thu từ tiền lãi**

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(v) Doanh thu từ cổ tức**

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(r) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(s) Các bên liên quan**

Các bên được xem có liên quan với Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên khác hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các cá nhân hoặc các tổ chức doanh nghiệp và bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là các bên liên quan.

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	2.142.279.718	2.795.273.955
Tiền gửi ngân hàng	2.993.860.944.424	1.342.758.587.965
Các khoản tương đương tiền	1.893.500.000.000	713.000.000.000
	4.889.503.224.142	2.058.553.861.920

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc một đến ba tháng tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác với lãi suất được hưởng là 4,3% - 5,5%/năm (năm 2016: 4,3% - 4,8%/năm).

**5. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực, một bên liên quan	490.000.000.000	510.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	1.281.000.000.000	540.500.000.000
	1.771.000.000.000	1.050.500.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng với lãi suất được hưởng là 5,3% - 7,1%/năm (2016: 5,5% - 6,7%/năm).



**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn	31/12/2017		1/1/2017		
	% sở hữu	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>					
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (i)	30,00%	271.553.053.099	-	476.250.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh (ii)	30,60%	898.907.128.098	-	976.762.694.000	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A (iii)	30,00%	171.163.733.397	-	148.879.117.974	-
		<b>1.341.623.914.594</b>		<b>1.287.523.689.312</b>	

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	31/12/2017			1/1/2017				
	% sở hữu	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>								
▪ Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	2,50%	64.000.000.000	238.584.320.000	-	2,50%	64.000.000.000	194.428.416.000	-
▪ Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE PMTP	15,00%	74.463.661.588	(*)	-	15,00%	74.463.661.588	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	0,60%	19.600.000.000	(*)	-	0,60%	19.600.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (iv)	1,80%	114.770.927.800	84.856.281.400	29.914.646.400	1,80%	114.770.927.800	72.054.669.893	42.716.257.907
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải phòng	1,60%	108.730.000.000	123.300.000.000	-	1,60%	108.730.000.000	108.730.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Thủy Điện Bùn Đôn	19,89%	83.750.000.000	(*)	-	19,89%	83.750.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	12,10%	50.000.000.000	(*)	-	12,10%	50.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ sửa chữa Nhiệt Điện Miền Bắc	2,70%	2.500.000.000	(*)	-	2,70%	2.500.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	0,03%	1.070.000.000	2.434.250.000	-	0,03%	1.070.000.000	1.786.900.000	-
		518.884.589.388	(*)	29.914.646.400		518.884.589.388	(*)	42.716.257.907

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị này tại ngày báo cáo do không có sẵn thông tin về giá thị trường của các khoản đầu tư này.
- (i) Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1603000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp ngày 31 tháng 03 năm 2006. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (ii) Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước – Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, là một đơn vị hạch toán phụ thuộc của Nhóm Công ty Điện lực Việt Nam. Ngày 04 tháng 5 năm 2005, Nhà máy chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 04 tháng 05 năm 2005. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (iii) Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A chính thức đi vào hoạt động ngày 01 tháng 11 năm 2003 theo công văn số 1391/CP-CN ngày 10/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A là xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, đầu tư xây dựng các công trình thủy điện và xây dựng công nghiệp.
- (iv) Công ty cổ phần nhiệt điện Quảng Ninh và công ty cổ phần nhiệt điện Hải Phòng lần lượt đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) từ các ngày 16 tháng 3 năm 2017 và ngày 5 tháng 10 năm 2016 (“ngày niêm yết”). Do đó, dự phòng đầu tư tài chính dài hạn của Công ty cho các khoản đầu tư vào hai công ty này dựa vào giá thị trường kể từ ngày niêm yết. Trước ngày niêm yết, dự phòng đầu tư tài chính dài hạn của Công ty cho các khoản đầu tư vào hai công ty này được lập khi hai công ty này phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư.

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Nhóm Công ty được trình bày như sau:

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng tài sản	8.678.953.518.987	8.110.772.610.598
Tổng công nợ	4.372.130.740.683	3.969.489.059.302
Tài sản thuần	4.306.822.778.304	4.141.283.551.296
Phần tài sản thuần trong các công ty liên kết	1.341.623.914.594	1.287.523.689.312
	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu	1.214.620.759.101	962.456.689.927
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	580.700.220.247	442.204.410.789
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết	175.913.775.282	134.210.055.520

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	1.287.523.689.312	1.267.507.183.792
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết	175.913.775.282	134.210.055.520
Chia cổ tức	(121.813.550.000)	(114.193.550.000)
Số dư cuối năm	1.341.623.914.594	1.287.523.689.312

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	42.716.257.907	54.115.017.028
Hoàn nhập	(12.801.611.507)	(11.398.759.121)
Số dư cuối năm	29.914.646.400	42.716.257.907

**6. Phải thu của khách hàng**

	<b>31/12/2017</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2017</b> <b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty Mua bán điện	8.462.852.528.470	7.156.802.587.993
Nhà máy điện Vĩnh Tân 4 (thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam)	9.171.757.100	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 2	-	11.542.250.000
Các bên liên quan khác	2.746.860.739	-
<b>Bên thứ ba</b>		
Các khách hàng khác	19.344.116.311	14.188.127.782
	8.494.115.262.620	7.182.532.965.775

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	98.292.977.878	4.381.623.005.587
Công ty TNHH Hyundai Việt Nam	185.242.610	401.479.171.901
Lãi tiền gửi phải thu	24.943.348.477	19.161.500.581
Cổ tức được chia	14.258.437.500	19.050.000.000
Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện 3	-	833.367.237
Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	2.722.222.222	6.483.000.000
Phải thu khác	142.225.324.911	151.071.686.874
	<b>282.627.553.598</b>	<b>4.979.701.732.180</b>

**8. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2017</b>		<b>1/1/2017</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi				
đường	163.688.001.391	-	102.911.681.740	-
Nguyên vật liệu	2.839.114.070.812	(936.690.056)	2.902.753.702.883	(406.302.233)
Công cụ và dụng cụ	53.101.657.256	-	20.951.485.799	-
Chi phí sản xuất kinh				
doanh dở dang	25.153.916.771	-	13.661.450.706	-
Thành phẩm	250.014.426	-	505.198.091	-
Hàng hóa	-	-	17.343.212	-
	<b>3.081.307.660.656</b>	<b>(936.690.056)</b>	<b>3.040.800.862.431</b>	<b>(406.302.233)</b>

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho phản ánh dự phòng giảm giá nguyên vật liệu và có biến động trong năm như sau:

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	406.302.233	11.284.555.675
Tăng dự phòng trong năm	530.387.823	-
Hoàn nhập	-	(10.878.253.442)
	<b>936.690.056</b>	<b>406.302.233</b>

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	18.911.661.185.227	83.173.262.807.448	6.749.142.245.149	128.617.967.050	6.316.695.160	108.969.000.900.034
Tăng trong năm	1.300.355.931	36.617.350.007	6.147.819.463	7.755.758.275	-	51.821.283.676
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (thuyết minh 11)	239.379.985.955	72.485.335.671	1.351.934.230	6.382.647.004	-	319.599.902.860
Bản giao sang các bên liên quan khác	-	(62.197.156.745)	2.439.135.716	-	-	(59.758.021.029)
Thanh lý	-	(398.594.840)	(1.752.051.800)	(434.267.468)	-	(2.584.914.108)
Phân loại lại	(154.618.178)	(33.281.721.033)	39.790.510.610	(266.054.160)	(6.088.117.239)	-
Giảm khác	-	(6.010.521.285)	-	-	-	(6.010.521.285)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>19.152.186.908.935</b>	<b>83.180.477.499.223</b>	<b>6.797.119.593.368</b>	<b>142.056.050.701</b>	<b>228.577.921</b>	<b>109.272.068.630.148</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	5.342.286.484.842	39.754.133.401.849	2.289.291.267.469	79.940.230.769	1.783.376.901	47.467.434.761.830
Khấu hao trong năm	736.718.190.155	3.926.371.042.745	344.430.207.025	20.298.575.590	13.616.985	5.027.831.632.500
Bản giao sang các bên liên quan khác	-	(25.384.139.859)	743.045.690	-	-	(24.641.094.169)
Thanh lý	-	(398.594.840)	(1.750.431.857)	(434.267.468)	-	(2.583.294.165)
Phân loại lại	(457.834.294.365)	452.693.096.220	4.478.242.683	2.270.903.759	(1.607.948.297)	-
Giảm khác	-	(613.956)	-	-	-	(613.956)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>5.621.170.380.632</b>	<b>44.107.414.192.159</b>	<b>2.637.192.331.010</b>	<b>102.075.442.650</b>	<b>189.045.589</b>	<b>52.468.041.392.040</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	13.569.374.700.385	43.419.129.405.599	4.459.850.977.680	48.677.736.281	4.533.318.259	61.501.566.138.204
Số dư cuối năm	13.531.016.528.303	39.073.063.307.064	4.159.927.262.358	39.980.608.051	39.532.332	56.804.027.238.108

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 26.135.642.244.347 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 9.540.548.196.787 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 1.963 tỷ VND (1/1/2017: 2.134 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng công ty (Thuyết minh 15(b)(\*)).

**10. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Bản quyền chuyên giao công nghệ VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm và cuối năm	67.463.477.322	12.031.469.427	3.770.891.148	83.265.837.897
<b>Khấu hao trong năm</b>				
Số dư đầu năm	9.110.439.504	3.192.437.940	3.500.934.605	15.803.812.049
Khấu hao trong năm	976.159.776	1.064.075.520	269.956.543	2.310.191.839
Số dư cuối năm	10.086.599.280	4.256.513.460	3.770.891.148	18.114.003.888
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	58.353.037.818	8.839.031.487	269.956.543	67.462.025.848
Số dư cuối năm	57.376.878.042	7.774.955.967	-	65.151.834.009

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, trong quyền sử dụng đất có quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định với nguyên giá là 8.015.608.652 VND (1/1/2017: 8.015.608.652 VND) không tính khấu hao.

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 8.266.854.853 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 4.495.693.705 VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**11. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	3.414.930.012.417	2.633.932.162.096
Tăng trong năm do mua mới	1.299.858.698.895	1.846.912.357.764
Chi phí lãi vay vốn hóa	12.197.470.951	4.658.591.687
Chuyển sang hàng tồn kho	(564.959.929.281)	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (thuyết minh 9)	(319.599.902.860)	(1.034.276.023.390)
Giảm khác	(54.142.181.353)	(36.297.075.740)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.788.284.168.769</b>	<b>3.414.930.012.417</b>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang gồm:

	<b>31/12/2017</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2017</b> <b>VND</b>
Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương	1.546.836.406.303	1.124.652.173.310
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2	711.263.163.190	1.367.507.249.414
Cơ sở hạ tầng Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân	897.011.032.903	494.162.589.458
Càng than Vĩnh Tân	483.510.872.821	338.960.447.028
Khác	149.662.693.552	89.647.553.207
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.788.284.168.769</b>	<b>3.414.930.012.417</b>



**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Phải trả người bán**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	362.080.222	1.761.518.280
Các bên liên quan khác	8.488.557.510	11.573.895.245
<b>Bên thứ ba</b>		
Công ty Vận chuyển Khí Đông Nam Bộ	3.190.542.474.065	2.488.734.916.271
Công ty Shanghai Electric Group	1.525.447.889.495	1.846.413.913.829
Các nhà cung cấp khác	1.406.707.070.971	1.238.995.209.884
	<hr/>	<hr/>
	6.131.548.072.263	5.587.479.453.509
	<hr/>	<hr/>
Số có khả năng trả nợ	6.131.548.072.263	5.587.479.453.509
	<hr/>	<hr/>

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Thuế và các khoản phải nộp và phải thu Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Phân loại lại VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	59.987.914.761	1.196.456.179.388	(1.137.564.319.791)	(71.367.397.074)	47.512.377.284
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.940.769.184	153.329.336.737	(32.191.653.983)	(40.979.463.014)	102.098.988.924
Thuế nhà thầu	3.078.328.836	14.457.194.561	(17.535.523.397)	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	27.200.606.722	(27.200.606.722)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	3.280.779.859	23.874.279.411	(24.715.904.563)	1.238.343.021	3.677.497.728
Thuế tài nguyên	33.632.455.784	358.971.218.404	(355.271.990.361)	-	37.331.683.827
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	551.920.000	18.431.062.130	(18.773.404.805)	(209.577.325)	-
Phí, lệ phí - phí dịch vụ môi trường rừng	22.018.264.900	80.024.490.260	(71.572.115.766)	-	30.470.639.394
Các loại thuế khác	201.600.000	108.461.377	(310.012.377)	(49.000)	-
	144.692.033.324	1.872.852.828.990	(1.685.135.531.765)	(111.318.143.392)	221.091.187.157

**(b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	1/1/2017 VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã thu trong năm VND	Phân loại lại VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	81.995.358.552	-	-	(71.367.397.074)	10.627.961.478
Thuế thu nhập doanh nghiệp	41.119.913.014	-	-	(40.979.463.014)	140.450.000
Thuế thu nhập cá nhân	1.540.747.944	-	-	1.238.343.021	2.779.090.965
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	209.626.950	-	-	(209.577.325)	49.625
Các loại thuế khác	49.000	-	-	(49.000)	-
	124.865.695.460	-	-	(111.318.143.392)	13.547.552.068

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**14. Phải trả khác**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	692.641.114.110	641.272.298.291
Các bên liên quan khác	-	27.000.000
<b>Bên thứ ba</b>		
Thuế giá trị gia tăng tạm tính	180.234.266.182	188.152.714.542
Phải trả khác	115.430.360.966	111.526.241.840
	988.305.741.258	940.978.254.673

(\*) Chi tiết các khoản phải trả khác cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi vay, phí vay lại	672.519.931.249	621.272.298.291
Phải trả khác	20.121.182.861	20.000.000.000
	692.641.114.110	641.272.298.291

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2017		Biến động trong năm		Đánh giá chênh lệch tỷ giá		31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	VND	VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	-	-	261.000.000.000	(261.000.000.000)	-	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	3.337.579.626.421	3.337.579.626.421	4.623.825.551.773	(3.170.990.191.780)	14.387.006.880	4.804.801.993.294	4.804.801.993.294	4.804.801.993.294
	3.337.579.626.421	3.337.579.626.421	4.884.825.551.773	(3.431.990.191.780)	14.387.006.880	4.804.801.993.294	4.804.801.993.294	4.804.801.993.294

**(b) Vay dài hạn**

	1/1/2017		Vay dài hạn đến hạn trả		Giảm VND	Đánh giá chênh lệch tỷ giá		31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Tăng VND	Vay dài hạn đến hạn trả VND	Chuyển về EVN VND		VND	VND	Giá trị ghi sổ VND	VND
Vay dài hạn	65.841.567.561.556	1.230.344.526.277	(4.623.825.551.773)	(3.506.018.228.841)	(875.604.776.746)	230.799.198.048	58.297.262.728.521	58.297.262.728.521	58.297.262.728.521

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
<b>Vay từ các tổ chức</b>				
<i>Dự án Nhiệt điện Mông Dương</i>				
Ngân hàng TMCP Bru điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long	VND	2025	119.480.387.242	135.356.263.918
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	VND	2018	97.395.223.254	599.000.000.000
<i>Dự án Nhiệt Điện Vĩnh Tân 2</i>				
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I	VND	2024	2.350.000.000.000	2.172.769.979.856
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	VND	2018	-	374.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2025	1.741.390.481.376	1.966.086.027.360
<i>Dự án Nhiệt Điện Vĩnh Tân 4</i>				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	2029	-	2.338.883.568.274
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2029	-	1.167.134.660.567
<i>Dự án Cảng than Vĩnh Tân</i>				
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I	VND	2024	-	553.230.020.144
<i>Dự án Thủy điện Buôn Kuốp</i>				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội	VND	2025	290.000.000.000	165.000.000.000
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	VND	2018	178.000.000.000	178.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Trần Duy Hưng	VND	2021	102.393.118.612	133.881.118.612
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (*)	VND	2019	184.132.364.311	276.196.364.311
<i>Dự án Thủy điện Buôn Tua Srah</i>				
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	VND	2018	338.000.000.000	338.000.000.000
<i>Dự án Thủy điện Srépôk 3</i>				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội	VND	2025	-	165.000.000.000
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	VND	2018	202.000.000.000	202.000.000.000

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Loại tiền</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>31/12/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND</b>
<b>Dự án Cơ sở hạ tầng Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân</b>				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Tây Nam Hà Nội	VND	2026	164.801.951.161	90.571.810.108
			5.767.593.525.956	10.855.109.813.150
<b>Vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam</b>				
<b>Dự án Nhiệt điện Mông Dương</b>				
Ngân hàng Phát triển Châu Á	USD	2032	449.463.107.334	463.999.704.804
Ngân hàng Phát triển Châu Á	USD	2034	19.249.288.966.287	19.035.820.381.561
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Hàn Quốc	USD	2028	9.728.811.701.938	10.681.142.416.666
<b>Dự án Nhiệt Điện Vĩnh Tân 2</b>				
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2027	6.820.268.027.292	6.254.621.639.385
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	CNY	2027	1.948.880.435.441	1.911.218.327.802
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2028	12.888.251.462.258	9.925.971.370.883
<b>Dự án Thủy điện Buôn Kuốp</b>				
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2026	96.072.108.793	103.400.575.863
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2028	71.059.575.068	75.387.491.087
<b>Dự án Thủy điện Buôn Tua Srah</b>				
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2020	107.768.022.992	144.038.310.850
Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	2019	83.590.802.249	139.191.924.107
Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	2017	-	39.132.649.648
<b>Dự án Thủy điện Srêpôk 3</b>				
Ngân hàng Doanh nghiệp và Đầu tư Credit Agricole Việt Nam	USD	2020	229.041.639.962	306.127.643.119
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2019	332.053.575.761	553.422.601.761
<b>Dự án Nhiệt điện Phú Mỹ</b>				
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2028	4.781.161.023.365	5.072.359.835.098
<b>Dự án Cảng than Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân</b>				
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2027	-	582.145.826.724
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2028	-	2.499.490.611.601

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
<i>Dự án Đuôi hơi 306-2 Nhà Máy Điện Bà Rịa</i>				
<i>Chi nhánh Ngân hàng Phát Triển Bà Rịa –</i>				
<i>Vũng Tàu</i>				
	KRW	2028	548.760.747.119	536.566.063.868
			57.334.471.195.859	58.324.037.374.827
			63.102.064.721.815	69.179.147.187.977

Lãi suất thực tế trong năm của các khoản vay USD từ 1,65% đến 5,15% (2016: từ 1,65% đến 5,15%).

Lãi suất thực tế trong năm của các khoản vay VND từ 8,80% đến 9,80% (2016: từ 8,80% đến 9,80%).

Lãi suất thực tế trong năm của các khoản vay JPY từ 1,15% đến 2,75% (2016: từ 1,15% đến 2,75%).

Lãi suất thực tế trong năm của các khoản vay CNY là 3,60% (2016: 3,60%).

Lãi suất thực tế trong năm của các khoản vay KRW là 2,40% trong suốt thời hạn cho vay lại là 13 năm.

(\*) Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam được đảm bảo bằng nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.963 tỷ VND (1/1/2017: 2.134 tỷ VND).

Các khoản vay trực tiếp từ các Ngân hàng thương mại trong nước còn lại được bảo lãnh bởi Công ty mẹ, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, và không có tài sản đảm bảo.

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	Vốn góp VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Tăng (giảm) vốn trong năm	483.854.286	-	-	-	-	(2.121.953.696)	-	-	(483.854.286)	-	-
Phân loại lại	-	-	2.121.953.696	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	(57.737.131.487)	67.608.967.555	257.095.157	(67.866.062.712)	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(130.774.478.773)	-	(7.324.123.852)	(138.098.602.625)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	231.187.193.355	-	34.286.342.019	265.473.535.374
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(21.093.784.940)	(21.093.784.940)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(87.197.743)	(87.197.743)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(243.408.077)	(29.852.961)	-	-	(360.458.781)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>	<b>10.561.944.694.725</b>	<b>6.014.917.945</b>	<b>16.273.236.198</b>	<b>16.273.236.198</b>	<b>(3.374.214.327.146)</b>	<b>218.278.897.602</b>	<b>15.939.926.044</b>	<b>825.628.673.005</b>	<b>114.101.515.647</b>	<b>344.561.911.953</b>	<b>8.728.529.445.973</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017</b>	<b>10.561.944.694.725</b>	<b>6.014.917.945</b>	<b>16.273.236.198</b>	<b>(3.374.214.327.146)</b>	<b>218.278.897.602</b>	<b>218.278.897.602</b>	<b>15.939.926.044</b>	<b>825.628.673.005</b>	<b>114.101.515.647</b>	<b>344.561.911.953</b>	<b>8.728.529.445.973</b>
Trích đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	73.425.935.578	-	(73.425.935.578)	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(151.571.573.836)	-	(6.683.732.398)	(158.255.306.234)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	280.726.839.785	-	35.971.503.438	316.698.343.223
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	925.017.378.368	-	-	-	-	-	925.017.378.368
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(21.092.133.000)	(21.092.133.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(499.211.736)	-	-	-	-	(499.211.736)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>	<b>10.561.944.694.725</b>	<b>6.014.917.945</b>	<b>16.273.236.198</b>	<b>(2.449.196.948.778)</b>	<b>291.205.621.444</b>	<b>218.278.897.602</b>	<b>15.939.926.044</b>	<b>881.358.003.376</b>	<b>114.101.515.647</b>	<b>352.757.549.993</b>	<b>9.790.398.516.594</b>



**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **17. Vốn góp**

Biến động vốn góp trong năm như sau:

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	10.561.944.694.725	10.561.460.840.439
Tăng vốn trong năm	-	483.854.286
Số dư cuối năm	10.561.944.694.725	10.561.944.694.725

Công ty mẹ trực tiếp và cấp cao nhất, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, được thành lập tại Việt Nam.

## **18. Phân phối lợi nhuận**

Nhóm Công ty phân phối lợi nhuận theo quy định tại điều 31 Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ và Quy chế Quản lý Tài chính của các công ty cổ phần.

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Chênh lệch tỷ giá hối đoái**

	1/1/2017 VND	Phát sinh VND	Phân bổ vào chi phí VND	31/12/2017 VND
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản (i)	1.508.828.910.951	6.869.803.197	(417.209.740.644)	1.098.488.973.504
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ (ii)	1.865.385.416.195	-	(514.677.440.921)	1.350.707.975.274
	3.374.214.327.146	6.869.803.197	(931.887.181.565)	2.449.196.948.778
	<b>1/1/2016 VND</b>	<b>Phát sinh VND</b>	<b>Phân bổ vào chi phí VND</b>	<b>31/12/2016 VND</b>
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản (i)	1.937.606.705.808	(11.568.054.212)	(417.209.740.645)	1.508.828.910.951
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ (ii)	1.378.870.489.851	729.364.236.401	(242.849.310.057)	1.865.385.416.195
	3.316.477.195.659	717.796.182.189	(660.059.050.702)	3.374.214.327.146

(i) Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản các công trình điện năm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia (thuyết minh 3(b)(ii)).

(ii) Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ (thuyết minh 3(b)(iii)).

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Tại ngày báo cáo, Nhóm Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán sau:

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	10.597.532.991	7.207.089.774
Từ hai đến năm năm	45.465.429.463	28.828.359.095
Sau năm năm	292.575.977.240	223.976.216.378
	<b>348.638.939.694</b>	<b>260.011.665.247</b>

**(b) Ngoại tệ**

	<b>31/12/2017</b>		<b>1/1/2017</b>	
	Nguyên tệ	<b>Tương đương VND</b>	Nguyên tệ	<b>Tương đương VND</b>
Đô la Mỹ	66.049,67	1.496.632.698	61.707,00	1.401.238.094

**(c) Cam kết đầu tư**

Tại ngày 31/12/2017, theo kế hoạch đầu tư xây dựng đã được phê duyệt, Nhóm Công ty sẽ đầu tư 1.251.447 triệu VND để xây dựng các nhà máy điện và các công trình khác (1/1/2017: 3.716.126 triệu VND).

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu tiêu thụ điện	37.646.560.437.982	35.774.143.725.908
Doanh thu bán sản phẩm và dịch vụ khác	260.550.742.766	168.286.309.936
	37.907.111.180.748	35.942.430.035.844

**22. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn tiêu thụ điện	33.350.453.433.632	32.284.620.765.547
Giá vốn sản phẩm và dịch vụ khác	251.383.619.026	117.306.043.257
	33.601.837.052.658	32.401.926.808.804

**23. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi	125.180.262.748	89.208.084.915
Cổ tức được chia	51.671.954.000	38.831.381.940
Lãi chênh lệch tỷ giá do thanh toán	16.092.655.718	28.827.289.297
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	13.644.051.362	60.073.808.566
	206.588.923.828	216.940.564.718

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Chi phí tài chính**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	2.639.770.574.279	2.526.916.084.835
Lỗi chênh lệch tỷ giá do thanh toán	18.088.860.426	42.820.593.709
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	1.189.223.848.482	725.020.903.959
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(12.801.611.507)	(11.398.759.121)
Chi phí tài chính khác	6.330.300	935.015
	<b>3.834.288.001.980</b>	<b>3.283.359.758.397</b>

**25. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	213.582.496.637	192.018.383.887
Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.212.444.227	56.415.425.487
Chi phí khác	166.218.475.664	142.439.070.332
	<b>437.013.416.528</b>	<b>390.872.879.706</b>

**26. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.850.756.002.905	23.521.399.338.752
Chi phí nhân công	783.444.408.257	717.419.419.677
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.001.950.528.314	5.854.591.849.041
Chi phí dịch vụ mua ngoài	527.634.417.356	350.668.025.872
Chi phí sửa chữa lớn	2.140.133.276.979	1.711.289.859.005
Chi phí khác	735.027.687.697	637.665.072.187

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>		
Năm hiện hành	153.108.628.178	40.365.438.584
Năm trước	220.708.559	1.703.613.527
	<hr/>	<hr/>
	153.329.336.737	42.069.052.111
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	(1.157.089.417)	(2.735.140.757)
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập	<hr/> <b>152.172.247.320</b>	<hr/> <b>39.333.911.354</b>

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	468.870.590.543	304.807.446.728
	<hr/>	<hr/>
Thuế theo thuế suất Tổng Công ty	93.774.118.109	60.961.489.345
Các khoản thu nhập không chịu thuế	(46.435.531.300)	(34.608.287.492)
Chi phí không được khấu trừ thuế	212.447.022.387	1.795.166.693
Chi phí thuế thu nhập năm trước	220.708.559	1.703.613.527
Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận	-	9.481.929.281
Ưu đãi thuế	(107.834.070.435)	-
	<hr/>	<hr/>
	<hr/> <b>152.172.247.320</b>	<hr/> <b>39.333.911.354</b>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên thu nhập tính thuế.

Dự án nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 và dự án Nhà máy nhiệt điện Mông Dương 1 được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án có thu nhập chịu thuế (từ năm 2015 đến năm 2018) và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

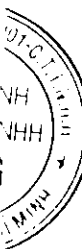
**28. Các hoạt động đầu tư và tài chính phi tiền tệ**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang mua chưa thanh toán	1.791.659.620.757	1.888.541.951.728
Bàn giao khoản vay về công ty mẹ	3.506.018.228.841	-
Cần trừ công nợ giữa vay và phải thu khách hàng	875.604.776.746	-
Chi phí lãi vay vốn hóa	12.197.470.951	4.658.591.687
Lãi vay vốn hóa vào gốc vay	-	151.764.775.065
Cổ tức đã công bố nhưng chưa chi trả	3.734.935.870	3.429.138.030

**29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Nhóm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tập đoàn Điện lực Việt Nam</b>		
Mua điện	128.443.231.126	118.906.287.343
Vay trong năm	1.156.114.385.224	2.861.111.745.005
Thanh toán vay trong năm	2.396.678.847.034	2.244.198.842.459
Lãi vay	2.135.322.136.357	2.298.663.450.651
<b>Công ty Mua bán điện</b>		
Bán điện	37.646.534.251.297	35.773.658.090.813
<b>Công ty Nhiệt Điện Duyên Hải</b>		
Cung cấp dịch vụ	2.913.513.946	1.102.697.640
<b>Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc (Công ty Điện lực Quảng Ninh)</b>		
Mua điện	8.074.281.106	5.711.774.770
<b>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1</b>		
Mua dịch vụ	3.079.872.790	5.374.769.868
<b>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2</b>		
Mua dịch vụ	7.818.244.357	5.567.887.306
Cung cấp dịch vụ	2.527.500.000	14.322.500.000
<b>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3</b>		
Mua dịch vụ	2.326.989.530	2.907.172.899



**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

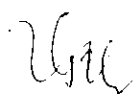
	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4</b> Mua dịch vụ	12.644.774.648	9.724.635.250
<b>Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực</b> Thu lãi tiền gửi	25.618.437.500	23.002.944.447
<b>Chi Nhánh Tổng Công Ty Điện Lực Miền Nam</b> <b>TNHH - công Ty Thí Nghiệm Điện Miền Nam</b> Mua dịch vụ	1.861.737.114	2.103.227.235
<b>Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin – Chi Nhánh Tập đoàn điện lực Việt Nam</b> Mua dịch vụ	4.104.691.761	2.424.470.842
<b>Tổng Công ty Truyền tải Điện</b> Lãi vay	-	1.475.000.000
<b>Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2</b> Cổ tức được chia	22.077.952.000	25.748.480.000
<b>Công ty CP Dịch vụ sửa chữa điện miền Bắc</b> Cổ tức được chia	300.000.000	375.000.000
<b>Cán bộ cấp quản lý</b> Tiền lương và thưởng	12.858.429.110	11.907.191.000

### 30. Số liệu so sánh

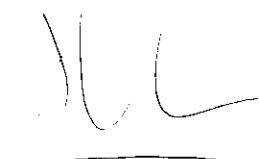
Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính của Nhóm Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

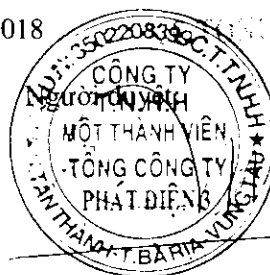
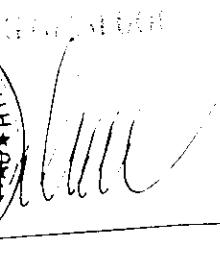
Người lập:



Vũ Phương Thảo  
 Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Hương  
 Kế toán trưởng

Trương Quốc Phúc  
 Phó Tổng Giám đốc